

Mẫu số 01

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:.....



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Vật lý; Chuyên ngành: Vật lý chất rắn

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Minh Thủy

2. Ngày tháng năm sinh: 28/07/1981; Nam ☐; Nữ ☒; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Xã Nga Hải – Huyện Nga Sơn – Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): Số nhà 68, Ngõ 331, Đường Quang Trung, Tổ 5, Phường Tân Thịnh, Thành phố Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Thư điện): Nguyễn Thị Minh Thủy, Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên, 20. Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại nhà riêng: ; Điện thoại di động: 0983280716;

E-mail: thuyntm@tnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/2003 đến 04/2005: Giảng viên tạo nguồn Khoa Giáo dục THCS tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 05/2005 đến 04/2006: Giảng viên tập sự Khoa Giáo dục THCS tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 05/2006 đến 03/2015: Giảng viên Khoa Giáo dục THCS tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 04/2015 đến 11/2016: Giảng viên Khoa Vật lý tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 12/2016 đến 11/2017: Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Vật lý đại cương, Khoa Vật lý tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 12/2017 đến 01/2020: Giảng viên, Trưởng bộ môn Vật lý đại cương, Khoa Vật lý tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 02/2020 đến 12/2020: Giảng viên chính, Trưởng bộ môn Vật lý đại cương, Khoa Vật lý tại Trường Đại

học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 01/2021 đến 04/2021: Giảng viên chính Khoa Vật lý tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Từ 05/2021 đến 06/2025: Giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn Vật lý cơ sở và chuyên ngành, Khoa Vật lý tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Chức vụ hiện nay: Giảng viên chính, Phó trưởng bộ môn Vật lý cơ sở và chuyên ngành, Khoa Vật lý; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng bộ môn Vật lý đại cương

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên

Địa chỉ cơ quan: Số 20. Đường Lương Ngọc Quyến, phường Quang Trung, Thành phố Thái Nguyên

Điện thoại cơ quan: 02083 851 013

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ... năm ...

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 14 tháng 07 năm 2003, số văn bằng: 438795, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Sư phạm Vật lý

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 09 tháng 05 năm 2014, số văn bằng: 0001265, ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Thái Nguyên, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 03 tháng 03 năm 2006, số văn bằng: 2742 N0.A 022410, ngành: Vật lý, chuyên ngành: Vật lý chất rắn

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 14 tháng 02 năm 2015, số văn bằng: 004200, ngành: Khoa học vật liệu, chuyên ngành: Vật liệu Quang học, Quang điện tử và Quang tử

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Viện Khoa học Vật liệu, Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ..., ngành: ...

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Vật lý

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

** Hướng nghiên cứu (1): Nghiên cứu chế tạo, tính chất quang và định hướng ứng dụng của các nano tinh thể bán dẫn*

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố là 33 bài: [1], [2], [3], [4], [5], [6] (trước khi công nhận TS), [9], [10], [11], [12], [13], [15], [16], [17], [18], [19], [21], [22], [23], [24], [25], [26], [27], [28], [29], [30], [31], [32], [34], [36], [37], [38], [42] (sau khi công nhận TS).

- Số bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ là 3 bài báo: [9], [10], [15]

- Thực hiện 01 đề tài cấp Đại học, 01 đề tài cấp cơ sở

- Đã hướng dẫn 06 học viên cao học, có quyết định cấp bằng

** Hướng nghiên cứu (2): Nghiên cứu chức năng hóa bề mặt vật liệu*

- Số lượng bài báo và báo cáo khoa học đã công bố là 07 bài: [7], [8], [14], [20], [33], [39], [40]

- Số bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sĩ là 1 bài báo: [7]

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 0 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 1 cấp Cơ sở; 1 cấp Khác;
- Đã công bố (số lượng) 42 bài báo khoa học, trong đó 21 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 1, trong đó 1 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

TT	Tên khen thưởng	Cấp khen thưởng	Năm khen thưởng
1	Bằng khen đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hai năm liên tục từ năm học 2021-2022 đến năm học 2022-2023	Bộ Giáo dục và Đào tạo	2023
2	Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong hoạt động Công đoàn năm học 2022-2023	Công đoàn Giáo dục Việt Nam	2023
3	Giấy khen đã có nhiều đóng góp cho sự nghiệp 55 xây dựng và phát triển của Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên	Giám đốc Đại học Thái Nguyên	2021

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

TT	Tên kỷ luật	Cấp ra quyết định	Số quyết định	Thời hạn hiệu lực
Không có				

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

So sánh với nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục; các quyền và nghĩa vụ của cá nhân hoạt động KHCN được quy định trong luật Khoa học và Công nghệ, tôi tự đánh giá bản thân có đầy đủ các tiêu chuẩn của nhà giáo:

- Được đào tạo theo hệ chính quy từ Đại học, Thạc sĩ và Tiến sĩ. Trong thời gian làm luận án Tiến sĩ, tôi nghiên cứu về Vật liệu nano bán dẫn tại Viện Khoa học Vật liệu, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam. Sau khi nhận được bằng Tiến sĩ, tôi tiếp tục phát triển hướng nghiên cứu này tại Khoa Vật lý, Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Ngoài ra, tôi cũng phối hợp thực hiện nghiên cứu cùng với nhóm nghiên cứu bề mặt lấy cảm hứng từ thiên nhiên của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên.
- Tôi luôn thực hiện tốt nhiệm vụ của Giảng viên theo quy định của Luật Giáo dục, chế độ làm việc của giảng viên và các văn bản pháp luật có liên quan: Thực hiện tốt nhiệm vụ giảng dạy trình độ Đại học, ThS; Thực hiện biên soạn giáo trình, đề cương bài giảng phục vụ đào tạo; Tham gia hướng dẫn sinh viên thi Olympic vật lý sinh viên toàn quốc, hướng dẫn sinh viên làm nghiên cứu khoa học, khóa luận tốt nghiệp đại học và học viên cao học làm luận văn thạc sĩ; Tham gia viết tài liệu và bồi dưỡng giáo viên phổ thông thực hiện chương trình giáo dục phổ thông 2018.

- Có phẩm chất, đạo đức, tư tưởng chính trị tốt, luôn chấp hành mọi chủ trương đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Giữ gìn đoàn kết nội bộ, tôn trọng, hợp tác và chia sẻ với đồng nghiệp, gương mẫu thực hiện tốt nội quy, quy chế của nhà trường và nơi cư trú; Giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo; Tôn trọng, đối xử công bằng với người học; Bảo vệ các quyền, lợi ích chính đáng của người học.

- Có đủ năng lực để đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ do cơ quan tổ chức có thẩm quyền giao với tư cách là chủ nhiệm đề tài và thành viên tham gia đề tài. Giữ gìn đoàn kết với đồng nghiệp trong quá trình triển khai hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Tích cực học tập - rèn luyện nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, kỷ luật, trình độ chuyên môn và nghiệp vụ, đổi mới phương pháp giảng dạy, nêu gương tốt cho người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 19 năm 1 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2019-2020				1	153	58	211/270.28/216
2	2020-2021					192.5	48	240.5/270.26/243
3	2021-2022			1	1	181.8	48	229.8/289.71/172.13
03 năm học cuối								
4	2022-2023			1		140.7	58	198.7/276.26/229.5
5	2023-2024			3		123	72	195/279.58/229.5
6	2024-2025				1	213.4	54	267.4/312.2/229.5

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Thái Nguyên số bằng: 0001265; năm cấp: 2014

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☐:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng đại học ngành Ngôn ngữ Anh

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVC H/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Vũ Thị Phương Thúy		X	X		09/2016 đến 09/2017	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	26/03/2018
2	Nguyễn Đức Sáng		X	X		09/2017 đến 09/2018	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	10/01/2019
3	Tạ Thanh Hằng		X	X		10/2020 đến 10/2021	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	25/03/2022
4	Phan Ngô Trọng Phước		X	X		11/2021 đến 08/2022	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	13/09/2022
5	Phạm Thị Thu Hiền		X	X		06/2022 đến 08/2023	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	02/10/2023
6	Dương Thị Thu Hoài		X		X	06/2022 đến 08/2023	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	02/10/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ tran g ... đến tran	Xác nhận của cơ sở GDĐH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
----	----------	----------------------------	------------------------------	------------	----------	--	--

						g)	
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ							
1	Giáo trình bài tập Quang học	GT	NXB Đại học Thái Nguyên, năm 2020	3	VC	(Tran g 96-109)	Quyết định số 456/QĐ-ĐHSP về việc sử dụng giáo trình

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 0 ()

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm) / Kết quả
Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
1	Chế tạo, nghiên cứu cấu trúc và tính chất quang của chấm lượng tử bán dẫn CuInS ₂ , CuInS ₂ /ZnS	CN	ĐH2011-04-10, cấp Khác	01/01/2011 đến 31/12/2012	2/10/2013, Tốt
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ					
2	Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của một số ion đất hiếm (Eu ³⁺ , Tb ³⁺ , Sm ³⁺ , Ce ³⁺ , Dy ³⁺) trong các nano tinh thể bán dẫn và mạng nền thủy tinh	CN	CS.2021.16, cấp Cơ sở	01/05/2021 đến 31/05/2022	27/11/2022, Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố

Trước khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
1	Low-cost and large-scale synthesis of CuInS ₂ and CuInS ₂ /ZnS quantum dots in diesel	4	Có	Optical Materials/ ISSN: 1873-1252	Có - SCIE IF: 2.19, Q2	17	37 823-827	10/2014
2	Chấm lượng tử CuIn(Zn)S ₂ chế tạo trong diesel	5	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Viện Hàn lâm KH&CN/ ISSN: 0866-708X VN)			52, 3B, 272-278	09/2014
3	Chế tạo chấm lượng tử CuIn(Zn)S ₂ trong môi trường nước	5	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Viện Hàn lâm KH&CN/ ISSN: 0866-708X VN)			52, 3C, 412-420	09/2014
4	Ảnh hưởng của một số yếu tố công nghệ lên tính chất quang của các tinh thể nano CuInS ₂	3	Có	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Viện Hàn lâm KH&CN/ ISSN: 0866-708X VN)			51, 6, 769-777	12/2013
5	Vật liệu quang điện tử bán dẫn nanô: chế tạo, tính chất quang và ứng dụng	10	Không	Tạp chí Khoa học và Công nghệ (Viện Hàn lâm KH&CN/ ISSN: 0866-708X VN)			51, 2A, 1-18	05/2013
6	Tinh thể nano CuInS ₂ chế tạo trong dung môi diesel	3	Có	Tạp chí Hóa học/ ISSN 0866-7174			49, 6, 706-709	12/2011
Sau khi bảo vệ học vị tiến sĩ								
7	Proposed Surface Topography for Frosting Inhibition and Ease Ice Removal	2	Có	Journal of Tribology/ ISSN 1528-8897	Có - SCIE IF: 2.2, Q2		147, 10, 104502 (5 pages)	01/2025
8	Anti-Icing Effectiveness Investigation on Superhydrophob	3	Không	Physica Status Solidi A/ ISSN: 1862-6319	Có - SCIE IF: 1.9, Q2		222, 9, 2400864 (6 pages)	01/2025

	ic Micro/ Nanosurfaces from the Topography Point of View							
9	Chemically synthesized CdSe quantum dots induce apoptosis in AGS gastric cancer cells via ROS generation	7	Có	Nanoscale Advances/ ISSN 2516-0230	Có - SCIE IF: 4.6, Q1	2	7 572-582	11/202 4
10	Eu3+ singly- doped and Eu3+/Sm3+ co- doped ZnS quantum dots: structure, optical properties and energy transfer	10	Có	Physical Chemistry Chemical Physics/ ISSN: 1463-9084	Có - SCIE IF: 2.91, Q2	3	26 25488-25 500	09/202 4
11	Eu3+-doped ZnO quantum dots: structure, vibration characteristics, optical properties, and energy transfer process	7	Không	Nanoscale Advances/ ISSN 2516-0230	Có - SCIE IF: 4.6, Q1	2	7 909-921	12/202 4
12	An in-depth study of the structure, optical properties and energy transfer process of Eu3+-doped CdSe nanocrystals	8	Không	Ceramics International/ ISSN: 0272-8842	Có - SCIE IF: 5.6, Q1		51, 5, 6616-662 6	12/202 4
13	NaGdF4:Dy3+ nanocrystals: new insights into optical properties and energy transfer processes	8	Không	Physical Chemistry Chemical Physics/ ISSN: 1463-9084	Có - SCIE IF: 2.91, Q2	2	26 20046– 20058	07/202 4

14	Investigation of water harvesting using hybrid concept	4	Không	International Journal of Nanotechnology/ ISSN 1741-8151	Có - SCIE IF: 0.3, Q4		21, 7/8/9/10/ 11/12	12/202 4
15	Er ³⁺ and Sm ³⁺ co-doped ZnS quantum dots: Judd-Ofelt, luminescent properties and energy transfer	8	Có	Journal of Luminescence/ ISSN: 0022-2313	Có - SCIE IF: 3.6, Q2	10	255 119538	01/202 3
16	Cd _{1-x} Dy _x S semiconductor quantum dots: Structure, optical properties and energy transfer parameters	8	Không	Optical Materials/ ISSN: 1873-1252	Có - SCIE IF: 4.02, Q1	7	135 113249	01/202 3
17	Optical properties, Judd-Ofelt analysis and energy transfer processes of Eu ³⁺ doped ZnS quantum dots	11	Không	Chemical Physics Letters/ ISSN: 1873-4448	Có - SCIE IF: 3.0, Q2	12	832 140896	10/202 3
18	Engineering the surface structure of brookite TiO ₂ nanocrystals with Au nanoparticles by cold plasma technique and its photocatalytic and self cleaning property	9	Không	Journal of Nanoparticle Research/ ISSN: 1388-0764	Có - SCIE IF: 2.1, Q2		25 203	10/202 3
19	Construction of Highly Condensed Cu ₂ O/CuO Composites on Cu Sheet and Its	10	Không	Materials Transactions/ ISSN: 1345-9678	Có - SCIE IF: 1.2, Q3	2	64, 9, 2134 - 2142	08/202 3

	Photocatalytic in Photodegradation of Hazardous Colouring Agent Rose Bengal							
20	Icephobic approach on hierarchical structure polymer thin-film	9	Không	Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology/ ISSN: 2043-6262	Có - Scopus IF: 2.379, Q2	11	13 015004 (6pp)	02/2022
21	Spectroscopic studies of K ₂ GdF ₅ :Nd ³⁺ single crystals for incredibly strong NIR emission at 864 nm	9	Không	Journal of Physics and Chemistry of Solids/ ISSN: 0022-3697	Có - SCIE IF: 4.43, Q2	3	161 110454	02/2022
22	Degradation of antibiotic sulfamethoxazole in aqueous media by UVA/TiO ₂ pure-brookite photocatalysis	6	Không	Vietnam Journal of Science and Technology/ ISSN: 2525-2518	Có - Scopus IF: 0.29, Q4	4	60, 2, 225-236	03/2022
23	Optical properties and energy transfer mechanism of Eu ³⁺ , Ce ³⁺ doped and co-doped ZnS quantum dots	14	Không	Journal of Luminescence/ ISSN: 0022-2313	Có - SCIE IF: 3.6, Q2	18	236 118106	04/2021
24	Structural, optical properties, energy transfer mechanism and quantum cutting of Tb ³⁺ doped ZnS quantum dots	11	Không	Journal of Physics and Chemistry of Solids/ ISSN: 0022-3697	Có - SCIE IF: 3.995, Q2	32	147 109638	07/2020

25	Tunable photoluminescent Cu-doped CdS/ZnSe type-II core/shell quantum dots	9	Không	Journal of Luminescence/ ISSN: 0022-2313	Có - SCIE IF: 3.280, Q2	29	215 116627	07/2019
26	Enhanced Optical Properties of Cu-In-S Quantum Dots with Zn Addition	6	Không	Journal of ELECTRONIC MATERIALS/ ISSN: 0361-5235	Có - SCIE IF: 1.61, Q2	5	45 2449–2454	02/2016
27	Fabrication and study of optical properties of CuInS ₂ and CuInS ₂ /Zns semiconductor quantum dots	1	Có	TNU Journal of Science and Technology/ ISSN: 1859-2171	- ACI		230, 02, 106 - 112	02/2025
28	Fabrication and study of optical properties of ternary ZnTeS semiconductor quantum dots	1	Có	Journal of Science and Technique/ ISSN 1859-0209			03, 01, 120-131	04/2025
29	Fabrication and study of structure and optical properties of Eu ³⁺ -doped MgF ₂ ceramics synthesized by plasma sintering method	1	Có	TNU Journal of Science and Technology/ ISSN: 1859-2171	- ACI		230, 10, 192 - 197	06/2025
30	Fabrication and study of the optical properties of Eu ³⁺ -doped ZnSe semiconductor quantum dots, application in lighting	1	Có	TNU Journal of Science and Technology/ ISSN: 1859-2171	- ACI		229, 14, 199 - 205	10/2024

31	Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang và quá trình truyền năng lượng trong các nano tinh thể ZnO đồng pha tạp các ion Ce ³⁺ và Tb ³⁺	7	Có	Tạp chí Nghiên cứu KH&CN quân sự/ ISSN: 1859-1043			Số 84 101-108	12/202 2
32	Fabrication, study of optical properties and energy transfer process of Eu ³⁺ ion- doped CdSSe ternary semiconductor nanocrystals	8	Không	TNU Journal of Science and Technology/ ISSN: 1859-2171	- ACI		227, 11, 239 – 246	08/202 2
33	Anti-Icing Surface Using SLIPS concept (Slippery Liquid-Infused Porous Surfaces)	6	Có	Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào/ ISSN: 2354 -1431			21 14-21	06/202 1
34	The Structure and Crystallization Process of Amorphous Iron Nanoparticles	5	Không	VNU Journal of Science: Natural sciences and technology/ ISSN: 2588-1140			35, 3, 64-70	09/201 9
35	Vai trò của phần mềm Wolfram 9.0 và Matlab trong việc hỗ trợ giải bài tập mạch điện nâng cao vật lý 11	3	Không	Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Thái Nguyên/ ISSN: 1859-2171			185, 09, 117 - 121	08/201 8
36	Nghiên cứu ảnh hưởng của độ pH và thời gian nung đến cấu trúc và kích thước của các nano tinh thể CoAl ₂ O ₄ , ứng dụng trong in	5	Không	Tuyển tập báo cáo Hội nghị Những tiến bộ trong Quang học, quang tử, quang phổ và ứng dụng XIII/ ISBN: 978-604-357-381-7			86-92	10/202 4

	màu kỹ thuật số							
37	Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất quang của các nano tinh thể bán dẫn ZnO pha tạp Tb ³⁺	4	Không	Tuyển tập báo cáo Hội nghị Những tiến bộ trong Quang học, quang tử, quang phổ và ứng dụng XIII/ ISBN: 978-604-357-381-7			118-124	10/2024
38	Định hướng ứng dụng vật liệu quang xúc tác trên cơ sở TiO ₂ trong xử lý nước thải ô nhiễm	3	Không	Kỷ yếu Hội nghị Nữ khoa học toàn quốc lần thứ III			MT-NN 18, 1-6	11/2023
39	Bề mặt chức năng tích hợp tính trơn trượt và kỵ nước định hướng ứng dụng chống bám bẩn và kháng băng tuyết	4	Không	Tuyển tập báo cáo Hội nghị vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu lần thứ XIII/ ISBN: 978-604-98-7505-2			698-701	10/2023
40	Anti-Icing Surface Fabricated on Copper Substrate	7	Không	Proceeding of Advances in optics photonics spectroscopy & applications XII/ ISBN: 978-604-357-381-7			260-264	10/2022
41	Organnization of the activity: "Drowning prevention" for primary students oriented by STEM education	3	Không	Proceeding of the 2nd internationnal conference on teacher education renovation ictor 2019 conjunction with "I AM STEM"			277-284	03/2020
42	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất quang của các nano tinh thể ba thành phần CdSeTe dạng Tetrapod	6	Không	Kỷ yếu Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ XI - SPMS 2019/ ISBN: 978-604-98-7505-2			281-285	10/2019

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 4 ([7] [9] [10] [15])

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
Không có							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UỶ là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS: 0 / []

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
Không có					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

T T	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UỶ (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi Chú
1	CT Thạc sĩ liên kết ĐTQT chuyên ngành Vật lý chất rắn	Tham gia	QĐ số 2498/QĐ-ĐHSP ngày 16/7/2021	Đại học Thái Nguyên	QĐ số 233/QĐ-ĐHTN ngày 09/3/2022	Không
2	Rà soát, cập nhật, điều chỉnh CTĐT trình độ thạc sĩ 2023	Tham gia	QĐ số 424/QĐ-ĐHSP ngày 28/2/2023	Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên	QĐ số 3148/QĐ-ĐHSP ngày 29/9/2023	Không

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tỉnh Thái Nguyên, ngày 27 tháng 06 năm 2025

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Minh Thủy